

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 06 tháng 09 năm 2021

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
1	Nguyễn Hải An	TP	8C8	CD (8C8) + Văn (8C3, 8C8, 9D9) + ĐT Văn 9	22,5
2	Dương Thị Việt Bắc		6A3	Anh (6A1, 6A3, 9D1, 9D2, 9D9) + ĐT Anh 9	21
3	Lê Thị Bích			Nhạc (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7) + Pháp (9D7, 9D8) + Pháp (6A2, 6A3, 6A4)	21
4	Nguyễn Thị Hải Chiến	TKHĐ	8C9	CD (8C1, 8C2, 8C3) + Địa (8C8, 8C9) + Văn (8C6, 8C9)	19,5
5	Phạm Văn Chuyển			TD (6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8)	20
6	Bùi Thị Dịu		6A7	CNg (6A6, 6A7, 8C7, 8C8, 8C9) + HDTN (6A7) + Toán (6A3, 6A6, 6A7)	25
7	Hà Thị Lan Dung			CD (6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 8C4, 8C5, 8C6, 8C9, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)	19
8	Vũ Thị Duyên	TP	7B5	CNg (7B3, 7B4, 7B5) + HDTN (6A2) + Sinh (7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B8)	19,5
9	Trần Minh Đông			Tin (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5) + Toán (8C2, 9D8) + HN (9D1,2,3,4)	19
10	Hoàng Thị Giang	PGD trung dụng		Hoá (9D2, 9D9) + Sinh (7B2)	6
11	Vũ Hương Giang	TPT		Nhạc (8C8, 8C9)	2
12	Vũ Hằng Hải	PT Phòng Tin		Tin (6A4, 6A5, 7B3, 7B4, 9D6, 9D7, 9D8) + Toán (7B8)	19
13	Nguyễn Thị Hạnh		9D4	Tin (8C3, 8C6, 7B6, 7B8) + Toán (8C3, 9D4, 9D5)	24,5
14	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	PHT		Anh (6A2, 6A4)	6
15	Dương Thị Hằng			CNg (6A1, 6A3, 6A4) + Địa (6A6, 6A7, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 9D6, 9D7)	19
16	Phạm Thị Hằng		6A4	CD (7B1) + HDTN (6A4) + Tin (6A1, 6A2, 6A3, 6A6, 6A7, 7B5, 7B7) + Toán (6A1, 6A4)	23
17	Phạm Thị Thu Hằng		6A1	HDTN (6A1) + CD (6A1) + Văn (6A1, 6A4, 6A6)	19
18	Nguyễn Thị Hiền			Hoá (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9) + Nhạc (8C6, 8C7, 9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)	19
19	Nguyễn Thu Hiền		8C1	Địa (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7) + Sử (8C1, 8C2, 8C6, 8C7)	19,5
20	Từ Thị Hiền	TT	9D2	Sử (8C9) + Văn (9D2, 9D5)	19,5
22	Đào Thị Hoa	TTND, PCTCĐ	8C7	Hoá (8C1, 8C2, 8C7) + KHTN (6A3) + Sinh (8C7)	19,5
23	Nguyễn Thị Hoa		7B8	Địa (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 7B1, 7B2, 7B8) + Văn (7B8)	19,5
24	Nguyễn Kim Hoài			Anh (6A5, 6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 8C1, 8C3)	27
25	Nguyễn Thu Hòa	TT	6A2	Toán (6A2, 6A5, 7B4) + Lý (9D4, 9D5, 9D6)	25
26	Trần Thị Mai Hồng	Con nhỏ	8C2	Văn (8C1, 8C2, 8C7)	19,5
27	Vũ Thị Hồng		9D1	CD (8C7) + Văn (8C4, 9D1, 9D4)	19,5
28	Trần Thị Hoi		6A5	HDTN (6A5) + Sử (7B4, 7B6, 7B7) + Văn (6A5, 7B3)	19
29	Ngô Thị Thu Huyền	UVCD+TTKT		Hoá (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Nhạc (7B2, 7B8)	19
30	Hà Thu Hương		8C3	Sử (6A1, 6A2, 6A3, 7B8, 8C3, 8C4, 8C5, 8C8)	20,5
31	Hà Thị Thanh Mai		9D7	Sử (9D3, 9D4, 9D6, 9D7, 9D9) + Văn (9D6, 9D7) + ĐT Sử 9	20,5

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Số 1

Thực hiện từ ngày 06 tháng 09 năm 2021

TT	Giáo viên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn	Số tiết
32	Vũ Thị Bích Ngọc	TT, UVCĐ		Anh (7B5, 7B6, 8C2, 8C4, 8C7, 8C8, 9D5, 9D7, 9D8)	27
33	Kiều Bích Nguyệt		7B6	CD (7B2, 7B3, 7B4, 7B5, 7B6, 7B7, 7B8) + Văn (7B6, 7B7) + ĐT CD 9	20,5
34	Lê Thị Ninh		9D8	Sử (9D8) + Văn (8C5, 9D3, 9D8)	19,5
35	Nguyễn Thu Phong		9D3	Lý (9D2, 9D3, 9D7, 7B1, 7B2, 7B3, 7B4) + Toán (9D1, 9D3) + HN (9D5,6)	23
36	Hoàng Kim Phương			Sử (6A4, 6A5, 6A6, 6A7, 9D1, 9D2, 9D5) + Văn (6A7, 7B1)	19
37	Nguyễn Thanh Phương	TP	8C4	CNg (9D1, 9D2) + Toán (7B6, 8C4, 9D2, 9D6) + ĐT Toán 9	25,5
38	Vũ Thị Thu Phương		9D5	Địa (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D8, 9D9) + Nhạc (9D5) + ĐT Địa 9	20,5
39	Nguyễn Thị Bích Phượng			Hoá (8C3, 8C4, 8C8, 9D1, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8)	20
40	Dương Văn Tâm	PGD trung dụng		Sinh (7B1, 8C8, 8C9)	6
41	Phạm Thị Tuyết Thanh	TP	9D9	Lý (9D1, 9D8, 9D9) + Toán (9D7, 9D9, 7B5) + ĐT Lý 9	24,5
42	Đặng Văn Thành			CNg (6A2) + TD (6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5) + Toán (8C1, 8C9)	19
45	Phạm Thị Thanh Thảo		9D6	Anh (8C5, 8C6, 8C9, 9D3, 9D4, 9D6, 7B7, 7B8)	25,5
46	Trần Thị Phương Thảo	PHT		Toán (8C8)	4
47	Nguyễn Thị Thắm	TP		TD (9D1, 9D2, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9)	19
48	Đỗ Thị Hồng Thu		8C5	Hoá (8C5, 8C6, 8C9) + Lý (7B5, 7B6, 7B7, 7B8, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9)	23,5
49	Nguyễn Thị Lệ Thu	TBDH		CNg (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6) + Toán (7B7)	19
50	Bùi Thị Thủy	CTCĐ	7B4	Văn (6A3, 7B4, 7B5)	19,5
51	Nguyễn Hoàng Thủy	TT	6A6	KHTN (6A4, 6A5, 6A6) + ĐT Hóa 9	20
52	Nguyễn Thị Thúy		7B1	Nhạc (7B1, 7B3, 8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5) + Pháp (7B1, 7B2, 8C5, 8C7)	19,5
53	Trần Thị Thu Thương		7B7	HDTN (6A3) + Sinh (7B7, 9D1, 9D3, 9D4, 9D5, 9D6, 9D9) + ĐT Sinh 9	20,5
54	Trần Thị Thu Trang			CNg (7B1, 7B2, 7B6, 7B7, 7B8) + Sinh (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 9D7, 9D8)	21
55	Vũ Huyền Trang		7B2	Sử (7B1, 7B2, 7B3, 7B5) + Văn (6A2, 7B2)	19,5
56	Trần Thị Ánh Tuyết	HT		Sinh (9D2)	2
57	Nguyễn Thị Tươi	Web, PCGD		Tin (8C1, 8C2, 8C4, 8C5, 8C7, 8C8, 8C9)	19
58	Nguyễn Thị Vân		8C6	CNg (9D3) + Tin (7B1, 7B2, 9D9) + Toán (8C6, 8C7)	19,5
59	Nguyễn Thị Yên			CNg (6A5, 9D4, 9D5, 9D6, 9D7, 9D8, 9D9) + KHTN (6A1, 6A2, 6A7)	19
61	Trương Thị Yến			HDTN (6A6) + TD (8C1, 8C2, 8C3, 8C4, 8C5, 8C6, 8C7, 8C8, 8C9)	19
62	Vũ Thị Hải Yến	TT	7B3	Toán (7B1, 7B2, 7B3, 8C5)	23,5